ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG HẢI DƯƠNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1199/QĐ- UBND	*Hải Dương, ngày 11 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hỗ trợ thu nhập hằng tháng đối với một số thành viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo trên địa bàn phường Hải Dương trong năm 2026 theo Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 20/04/2026 của HĐND thành phố Hải Phòng (đợt 1)

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 20/4/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định chính sách hỗ trợ một số thành viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn phường Hải Dương giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Kế hoạch 187/KH-UBND ngày 21/05/2026 của UBND thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND;

Căn cứ kết quả rà soát các đối tượng (thành viên) thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo trên địa bàn phường Hải Dương trong năm 2026 theo Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 20/04/2026 của HĐND thành phố Hải Phòng (đợt 1) của Tổ thẩm định (được thành lập tại Quyết định số 1119/QĐ-UBND ngày 20/8/2026 của UBND phường Hải Dương);

Theo đề nghị của phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 48/TTr-XDNNMT ngày 09/09/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hỗ trợ thu nhập hằng tháng đối với một số thành viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo trên địa bàn phường Hải Dương trong năm 2026 theo Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 20/04/2026 của HĐND thành phố Hải Phòng (đợt 1), cụ thể như sau:

- Hỗ trợ thu nhập thêm hằng tháng cho **60 người** là đối tượng được quy định tại Khoản 1, Điều 2, Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 20/04/2026 của HĐND thành phố Hải Phòng *(Có danh sách kèm theo tại Phụ lục 01)*.

Mức hỗ trợ: Bảo đảm tổng kinh phí hỗ trợ (bao gồm cả phần kinh phí trợ cấp chế độ an sinh xã hội) bằng mức thu nhập chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026-2030 do Chính phủ quy định, năm 2026: 2.000.000 đồng/người/tháng.

- Hỗ trợ thu nhập hàng tháng cho **56 người** là đối tượng được quy định các Khoản 2, Điều 2, Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 20/04/2026 của HĐND thành phố Hải Phòng *(Có danh sách kèm theo tại Phụ lục 02)*.

Mức hỗ trợ: Bằng mức thu nhập chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026-2030 do Chính phủ quy định, năm 2026: 2.000.000 đồng/người/tháng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND, Trưởng các phòng: Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Kinh tế, Văn hóa - Xã hội; Phòng Giao dịch số 5 - Kho bạc Nhà nước khu vực III; các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan và các đối tượng có tên nêu tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:
- Thường trực Đảng uỷ (để b/c);
- Thường trực HĐND (để b/c);
- CT, các PCT UBND phường;
- UBMTTQ phường;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, XDNNMT.

CHỦ TỊCH

U.B.N.D PHƯỜNG HẢI DƯƠNG THÀNH PHỐNG

Phạm Thị Thanh Vân

Phụ lục 01 - Đối tượng theo quy định tại Khoản 1, Điều 2, Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 20/04/2026 của HĐND thành phố Hải Phòng (ĐỢT 1 - NĂM 2026)

(Kèm theo Quyết định số 1199/QĐ-UBND, ngày 11 tháng 9 năm 2026 của UBND phường Hải Dương)

STT	Họ và tên	Đối tượng	Ngày, tháng, năm sinh	Số CCCD/Mã ĐDCN	Tổ dân phố (Cũ)	Tổ dân phố (Mới)	Các chính sách trợ cấp đang được hưởng		Mức hỗ trợ theo Nghị quyết 04/2026/NQ-HĐND	
							Chế độ đang hưởng	Mức hưởng hàng tháng	Mức hỗ trợ thu nhập thêm hàng tháng	Thời gian bắt đầu được hưởng hỗ trợ
1	Trần Thị Nhì	HN	01/01/1937	030137004250	TDP số 1	TDP số 1	Trợ cấp bảo trợ xã hội	1.400.000	600.000	Tháng 1/2026
2	Trần Thế Quyết	TCN	16/05/1982	030082004444			Trợ cấp bảo trợ xã hội	1.050.000	950.000	Tháng 1/2026
3	Trần Đình Mười	TCN	01/01/1945	030045004994			Trợ cấp hưu trí xã hội	700.000	1.300.000	Tháng 1/2026
4	Bùi Thị Y	TCN	20/04/1934	030134003481			Trợ cấp hưu trí xã hội	700.000	1.300.000	Tháng 1/2026
5	Phạm Văn Ngãi	TCN	01/01/1951	030051003620			Trợ cấp hưu trí xã hội	700.000	1.300.000	Tháng 1/2026
6	Trần Thị Tre	TCN	01/01/1950	030150008687			Trợ cấp hưu trí xã hội	700.000	1.300.000	Tháng 1/2026
7	Đào Thị Rằng	TCN	01/01/1944	030144005315			Trợ cấp hưu trí xã hội	700.000	1.300.000	Tháng 1/2026
8	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	TCN	02/01/1984	030184017992			Bảo trợ xã hội hàng tháng	1.050.000	950.000	Tháng 1/2026
9	Trần Thị Thậm	TCN	24/02/1941	030141005139			Trợ cấp hưu trí xã hội	700.000	1.300.000	Tháng 1/2026
10	Trần Văn Toàn	TN	22/06/1950	030050011655	TDP số 2		Trợ cấp hưu trí xã hội	700.000	1.300.000	Tháng 1/2026
11	Trần Văn Chiến	TCN	06/02/1953	030053005795			Bảo trợ xã hội hàng tháng	1.400.000	600.000	Tháng 1/2026
12	Lê Thị Dung	TN	01/01/1950	030150007666	TDP số 3	TDP số 2	Trợ cấp hưu trí xã hội	700.000	1.300.000	Tháng 1/2026

13	Vũ Hải Thanh	HN	05/07/1977	030077024187	TDP số 4	TDP số 4	Bảo trợ xã hội hàng tháng	1.050.000	950.000	Tháng 1/2026
14	Nguyễn Thị Vân	TCN	01/01/1945	030145004730			Bảo trợ xã hội hàng tháng	1.400.000	600.000	Tháng 1/2026
15	Lê Thị Hiền	CN	09/03/1954	030154009776			Bảo trợ xã hội hàng tháng	1.050.000	950.000	Tháng 1/2026
16	Trần Thị Sửu	TN	01/01/1947	030147009920			Trợ cấp hưu trí xã hội	700.000	1.300.000	Tháng 1/2026
17	Lê Thị Xuân Hồng	TCN	20/04/1935	030135002229	TDP số 5	TDP số 5	Chế độ trợ cấp tử tuất của BHXH	1.265.000	735.000	Tháng 1/2026
18	Phạm Thị Nhung	TCN	01/01/1947	030147005331	TDP số 8	TDP số 7	Trợ cấp hưu trí xã hội	700.000	1.300.000	Tháng 1/2026
19	Trần Thị Huế	TN	03/10/1979	030179011541			Bảo trợ xã hội hàng tháng	1.050.000	950.000	Tháng 1/2026
20	Đặng Thị Xuân	TN	12/05/1950	031150013337	TDP số 10	TDP số 8	Chế độ trợ cấp tử tuất của BHXH	1.265.000	735.000	Tháng 1/2026
21	Lê Thị Riêng	TCN	08/02/1951	030151000714			Trợ cấp hưu trí xã hội	700.000	1.300.000	Tháng 3/2026
22	Lê Thị Hơn	CN	01/01/1971	030171003809	TDP số 13	TDP số 9	Bảo trợ xã hội hàng tháng	700.000	1.300.000	Tháng 1/2026
23	Bùi Đình Giáo	TN	06/12/1979	030079015609	TDP số 15	TDP số 10	Bảo trợ xã hội hàng tháng	1.400.000	600.000	Tháng 1/2026
24	Cao Văn Hường	CN	01/01/1955	030055011252	TDP số 16	TDP số 11	Trợ cấp hưu trí xã hội	700.000	1.300.000	Tháng 1/2026
25	Lê Văn Giang	CN	01/02/1990	030090017182			Bảo trợ xã hội hàng tháng	1.400.000	600.000	Tháng 1/2026
26	Nguyễn Thị Thái	CN	01/01/1953	030153006938			Bảo trợ xã hội hàng tháng, Trợ cấp hưu trí xã hội	1.400.000	600.000	Tháng 1/2026
27	Cao Văn Tuấn	TCN	01/01/1976	030076020099			Bảo trợ xã hội hàng tháng	1.050.000	950.000	Tháng 1/2026
28	Đào Thị Chạ	TCN	01/01/1950	030150014138			Trợ cấp hưu trí xã hội	700.000	1.300.000	Tháng 1/2026

29	Tăng Thị Bình	HN	23/06/1957	030157016168	TDP số 18	TDP số 6	Bảo trợ xã hội hàng tháng	1.400.000	600.000	Tháng 1/2026
30	Nguyễn Thị Bé	HN	12/01/1951	030151006362	TDP số 20	TDP số 3	Bảo trợ xã hội hàng tháng	1.050.000	950.000	Tháng 1/2026
31	Mai Thị Vui	CN	28/12/1949	030149000369	TDP số 20		Bảo trợ xã hội hàng tháng	1.050.000	950.000	Tháng 1/2026
32	Lê Thị Hoa	CN	10/10/1961	025161011000	TDP số 20		Bảo trợ xã hội hàng tháng	1.050.000	950.000	Tháng 1/2026
33	Lê Thị Tuyền	HN	08/03/1961	030161011067	TDP số 20		Bảo trợ xã hội hàng tháng	1.400.000	600.000	Tháng 1/2026
34	Lê Hữu Quang	HN	01/01/1970	030070025516	TDP số 20		Bảo trợ xã hội hàng tháng	1.050.000	950.000	Tháng 1/2026
35	Nguyễn Anh Tuấn	HN	10/05/1980	030080013003	TDP số 20		Bảo trợ xã hội hàng tháng	1.050.000	950.000	Tháng 1/2026
36	Nguyễn Đăng Định	TCN	14/08/1964	030064005339	TDP số 22	TDP số 12	Bảo trợ xã hội hàng tháng	1.750.000	250.000	Tháng 1/2026
37	Nguyễn Thị Thiện	TCN	16/10/1951	030151005008	TDP số 22		Bảo trợ xã hội hàng tháng	1.400.000	600.000	Tháng 1/2026
38	Phạm Thị Chính	HN	24/07/1949	030149009296	TDP số 23		Bảo trợ xã hội hàng tháng	1.050.000	950.000	Tháng 1/2026
39	Lê Thị Sạch	HN	01/01/1950	030150001677	TDP số 24	TDP số 13	Bảo trợ xã hội hàng tháng	1.050.000	950.000	Tháng 1/2026
40	Trương Thị Lập	HN	05/11/1948	030148010950	TDP số 25		Bảo trợ xã hội hàng tháng	1.050.000	950.000	Tháng 1/2026
41	Đặng Thị Châu	TN	01/01/1949	030149005978	TDP số 25		Trợ cấp hưu trí xã hội	700.000	1.300.000	Tháng 1/2026
42	Đoàn Thích	TN	09/11/1948	030048004489	TDP số 25		Bảo trợ xã hội hàng tháng	1.750.000	250.000	Tháng 1/2026
43	Lê Thị Tình	TCN	01/01//1930	030130004091	TDP số 26		Trợ cấp hưu trí xã hội	700.000	1.300.000	Tháng 1/2026
44	Bùi Thị Nhật	TN	01/01/1939	030139004846	TDP số 27	TDP số 14	Trợ cấp hưu trí xã hội	700.000	1.300.000	Tháng 1/2026

45	Lê Thị Nhã	TN	04/04/1948	036148014689	TDP số 27		Trợ cấp hưu trí xã hội	700.000	1.300.000	Tháng 1/2026
46	Phạm Đức Đại	TCN	25/08/1959	030059002191	TDP số 27		Bảo trợ xã hội hàng tháng	1.400.000	600.000	Tháng 1/2026
47	Phạm Ngọc Hân	TCN	26/04/1996	030196000454	TDP số 27		Bảo trợ xã hội hàng tháng	1.050.000	950.000	Tháng 1/2026
48	Lê Thị Ngân	HN	09/12/1962	030162011156	TDP số 27		Bảo trợ xã hội hàng tháng	1.050.000	950.000	Tháng 1/2026
49	Ngô Thị Ngân	TCN	25/04/1939	030139005206	TDP số 28		Trợ cấp hưu trí xã hội	700.000	1.300.000	Tháng 1/2026
50	Đinh Thị Hằng	TCN	01/01/1939	030135005772	TDP số 28		Trợ cấp hưu trí xã hội	700.000	1.300.000	Tháng 1/2026
51	Lương Thị Sen	TCN	01/01/1948	030148006520	TDP số 29	TDP số 16	Trợ cấp hưu trí xã hội	700.000	1.300.000	Tháng 1/2026
52	Phạm Văn Thêm	HCN	19/05/1962	030062019293	TDP số 29		Bảo trợ xã hội hàng tháng	1.400.000	600.000	Tháng 1/2026
53	Lý Minh Nguyệt	TN	15/05/1958	030158016243	TDP số 29		Bảo trợ xã hội hàng tháng	1.400.000	600.000	Tháng 1/2026
54	Đinh Thị Vinh	TN	25/06/1950	030150012555	TDP số 29		Trợ cấp hưu trí xã hội	700.000	1.300.000	Tháng 1/2026
55	Mai Ngọc Quỳnh	TCN	30/01/2009	030309004047	TDP số 29		Bảo trợ xã hội hàng tháng	1.400.000	600.000	Tháng 1/2026
56	Lê Quốc Sơn	TCN	13/10/1972	030072013903	TDP số 29		Bảo trợ xã hội hàng tháng	1.050.000	950.000	Tháng 1/2026
57	Nguyễn Đăng Tiến	TN	26/06/1977	030077027490	TDP số 33	TDP số 15	Bảo trợ xã hội hàng tháng	1.400.000	600.000	Tháng 1/2026
58	Phạm Như Đức	TN	01/01/1941	001041007531	TDP số 33		Trợ cấp hưu trí xã hội	700.000	1.300.000	Tháng 1/2026
59	Nguyễn Thị Báu	TN	15/10/1945	030145003303	TDP số 34	TDP số 18	Trợ cấp hưu trí xã hội	700.000	1.300.000	Tháng 1/2026
60	Đặng Thị Dung	TN	07/02/1970	030170018264	TDP số 34		Bảo trợ xã hội hàng tháng	1.050.000	950.000	Tháng 1/2026

Phụ lục 02 - Đối tượng theo quy định tại Khoản 2, Điều 2, Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 20/04/2026 của HĐND thành phố Hải Phòng (ĐỢT 1 - NĂM 2026)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND, ngày tháng năm 2026 của UBND phường Hải Dương)

STT	Họ và tên	Đối tượng	Ngày, tháng, năm sinh	Số CCCD/Mã ĐDCN	Tổ dân phố (Cũ)	Tổ dân phố (Mới)	Nhóm đối tượng không có thu nhập hằng tháng theo quy định tại Khoản 2, Điều 2, Nghị quyết 04/2026/NQ-HĐND			
							Đối tượng cụ thể		Mức hỗ trợ thu nhập hàng tháng	Thời gian bắt đầu được hưởng hỗ trợ
1	Phạm Thị Gái	TN	01/01/1952	030152008911	TDP số 1	TDP số 1	Theo điểm đ	Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên không có vợ, chồng, con	2.000.000	01/01/2026
2	Nguyễn Vũ Anh	TCN	09/01/2009	030209007818	TDP số 1		Theo điểm d	Người từ đủ 16 tuổi trở lên nhưng không quá 22 tuổi, đang đi học	2.000.000	Từ 01/01/2026 đến 08/2026
3	Nguyễn Thị Phối	TCN	15/03/1959	030159008470	TDP số 1		Theo điểm b	Người mắc bệnh hiểm nghèo, cần chữa trị dài ngày	2.000.000	01/02/2026
4	Trần Văn Thuần	TCN	15/06/1974	030074018693	TDP số 1		Theo điểm b	Người mắc bệnh hiểm nghèo, cần chữa trị dài ngày	2.000.000	01/01/2026
5	Trần Thị Tuất	TN	01/01/1957	030157018729	TDP số 2		Theo điểm đ	Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên không có vợ, chồng, con	2.000.000	01/01/2026
6	Đào Thị Lầm	TN	28/12/1958	030158002202	TDP số 2		Theo điểm đ	Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên không có vợ, chồng, con	2.000.000	01/01/2026
7	Phạm Thị Dinh	TN	05/02/1956	030156003981	TDP số 2		Theo điểm đ,	Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên không có vợ, chồng, con	2.000.000	01/01/2026
8	Trần Thị Ngùng	CN	15/07/1957	030157015208	TDP số 2		Theo điểm b	Người mắc bệnh hiểm nghèo, cần chữa trị dài ngày	2.000.000	01/05/2026
9	Lê Thị Na	TCN	05/03/1970	030170003633	TDP số 2		Theo điểm b	Người mắc bệnh hiểm nghèo, cần chữa trị dài ngày	2.000.000	01/01/2026

10	Lê Thị Thật	TCN	06/08/1956	030156011325	TDP số 2		Theo điểm b	Người mắc bệnh hiểm nghèo, cần chữa trị dài ngày	2.000.000	01/01/2026
11	Đinh Thị Kim	TCN	22/08/1957	030157002991	TDP số 2		Theo điểm b	Người mắc bệnh hiểm nghèo, cần chữa trị dài ngày	2.000.000	01/01/2026
12	Nguyễn Thị Vân	TCN	01/10/1980	030180013804	TDP số 2		Theo điểm b	Người mắc bệnh hiểm nghèo, cần chữa trị dài ngày	2.000.000	01/01/2026
13	Đào Văn Cây	TCN	01/01/1963	030063013191	TDP số 3	TDP số 2	Theo điểm b	Người mắc bệnh hiểm nghèo, cần chữa trị dài ngày	2.000.000	01/01/2026
14	Trần Thị An	TCN	01/01/1961	030161011283	TDP số 3		Theo điểm b	Người mắc bệnh hiểm nghèo, cần chữa trị dài ngày	2.000.000	01/01/2026
15	Trần Bá An	TN	30/06/2009	030209007803	TDP số 3		Theo điểm d	Người từ đủ 16 tuổi trở lên nhưng không quá 22 tuổi, đang đi học	2.000.000	01/01/2026
16	Lê Thị Hà	TCN	23/09/1962	030162004801	TDP số 4	TDP số 4	Theo điểm b	Người mắc bệnh hiểm nghèo, cần chữa trị dài ngày	2.000.000	01/01/2026
17	Trần Quang Thạch	TCN	09/10/1962	030062013407	TDP số 5	TDP số 5	Theo điểm đ	Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên không có vợ, chồng, con	2.000.000	01/01/2026
18	Phan Thị Bình Hải	TCN	24/05/1962	030162007764	TDP số 5		Theo điểm đ	Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên không có vợ, chồng, con	2.000.000	01/01/2026
19	Vũ Tuyết Mai	TN	18/09/1984	030184006017	TDP số 10	TDP số 8	Theo điểm b	Người mắc bệnh hiểm nghèo, cần chữa trị dài ngày	2.000.000	01/01/2026
20	Phạm Thị Hòa	TCN	03/07/1957	030157004140	TDP số 10		Theo điểm đ	Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên không có vợ, chồng, con	2.000.000	01/01/2026
21	Hoàng Thị Lâng	TN	01/01/1976	030176017920	TDP số 12	TDP số 9	Theo điểm b	Người mắc bệnh hiểm nghèo, cần chữa trị dài ngày	2.000.000	01/01/2026
22	Bùi Ngọc Lan	TCN	28/07/1971	030171003442	TDP số 12		Theo điểm b	Người mắc bệnh hiểm nghèo, cần chữa trị dài ngày	2.000.000	01/01/2026
23	Lê Thị Kim Dung	HN	18/03/2010	030310016432	TDP số 15	TDP số 10	Theo điểm d	Người từ đủ 16 tuổi trở lên nhưng không quá 22 tuổi, đang đi học	2.000.000	01/04/2026
24	Đỗ Thị Ưng	TCN	17/06/1979	030179008937	TDP số 15		Theo điểm b	Người mắc bệnh hiểm nghèo, cần chữa trị dài ngày	2.000.000	01/01/2026

25	Cao Thị Mười	CN	17/09/1975	030175025094	TDP số 16	TDP số 11	Theo điểm b	Người mắc bệnh hiểm nghèo, cần chữa trị dài ngày	2.000.000	01/01/2026
26	Cao Thị Thảo	CN	08/07/2009	030309011211	TDP số 16		Theo điểm b	Người mắc bệnh hiểm nghèo, cần chữa trị dài ngày	2.000.000	01/01/2026
27	Cao Thị Chinh	CN	15/09/1986	030186011181	TDP số 16		Theo điểm b	Người mắc bệnh hiểm nghèo, cần chữa trị dài ngày	2.000.000	01/05/2026
28	Đào Thị Như Quỳnh	CN	18/10/2009	030309013994	TDP số 16		Theo điểm d	Người từ đủ 16 tuổi trở lên nhưng không quá 22 tuổi, đang đi học	2.000.000	01/01/2026
29	Nguyễn Thị Thi	TN	14/10/1956	030156004320	TDP số 17	TDP số 6	Theo điểm đ	Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên không có vợ, chồng, con	2.000.000	01/01/2026
30	Mạc Thùy Dương	TCN	01/06/2005	030305000937	TDP số 17		Theo điểm d	Người từ đủ 16 tuổi trở lên nhưng không quá 22 tuổi, đang đi học	2.000.000	01/01/2026
31	Nguyễn Thị Phượng	HN	19/04/2009	030309008980	TDP số 18		Theo điểm d	Người từ đủ 16 tuổi trở lên nhưng không quá 22 tuổi, đang đi học	2.000.000	01/01/2026
32	Trần Thị Huệ	CN	01/01/1964	030164017833	TDP số 20	TDP số 3	Theo điểm b	Người mắc bệnh hiểm nghèo, cần chữa trị dài ngày	2.000.000	01/01/2026
33	Lê Quang Xuyên	TN	14/04/1961	030061011577	TDP số 21	TDP số 12	Theo điểm đ	Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên không có vợ, chồng, con	2.000.000	01/01/2026
34	Đinh Thị Hoàn	TCN	11/09/1955	030155000461	TDP số 21		Theo điểm đ	Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên không có vợ, chồng, con	2.000.000	01/01/2026
35	Nguyễn Thị Dương	TN	01/12/1957	030157009519	TDP số 22		Theo điểm đ	Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên không có vợ, chồng, con	2.000.000	01/01/2026
36	Nguyễn Thị Thuận	TCN	25/12/1954	030154003853	TDP số 23		Theo điểm đ	Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên không có vợ, chồng, con	2.000.000	01/01/2026
37	Nguyễn Hữu Hiệp	HN	14/10/1992	030092009189	TDP số 25	TDP số 13	Theo điểm b	Người mắc bệnh hiểm nghèo, cần chữa trị dài ngày	2.000.000	01/01/2026
38	Nguyễn Phương Thảo	HN	10/05/2005	030305011682	TDP số 25		Theo điểm d	Người từ đủ 16 tuổi trở lên nhưng không quá 22 tuổi, đang đi học	2.000.000	01/01/2026

39	Hoàng Đức Hùng	TN	05/09/1955	030055010822	TDP số 25		Theo điểm đ	Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên không có vợ, chồng, con	2.000.000	01/01/2026
40	Nguyễn Thị Hiền	TN	16/12/1953	030153002520	TDP số 27	TDP số 14	Theo điểm đ	Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên không có vợ, chồng, con	2.000.000	01/01/2026
41	Nguyễn Bá Ao	TN	19/05/1958	030058011210	TDP số 28		Theo điểm đ	Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên không có vợ, chồng, con	2.000.000	01/01/2026
42	Trần Thị Hân	TN	14/08/1959	030159010080	TDP số 28		Theo điểm đ	Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên không có vợ, chồng, con	2.000.000	01/01/2026
43	Vũ Văn Thắng	TCN	04/02/1963	030063014937	TDP số 28		Theo điểm b	Người mắc bệnh hiểm nghèo, cần chữa trị dài ngày	2.000.000	01/01/2026
44	Trần Ngọc Trung	HCN	12/10/1958	030058016796	TDP số 29	TDP số 16	Theo điểm b	Người mắc bệnh hiểm nghèo, cần chữa trị dài ngày	2.000.000	01/06/2026
45	Phạm Thị Ngái	HCN	15/09/1955	030155011225	TDP số 29		Theo điểm đ	Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên không có vợ, chồng, con	2.000.000	01/01/2026
46	Nguyễn Trường Lưu	TCN	04/10/1965	030065002521	TDP số 29		Theo điểm b	Người mắc bệnh hiểm nghèo, cần chữa trị dài ngày	2.000.000	01/04/2026
47	Hàn Ngọc Nhung	TN	10/10/1989	031189019951	TDP số 29		Theo điểm b	Người mắc bệnh hiểm nghèo, cần chữa trị dài ngày	2.000.000	01/01/2026
48	Vũ Thanh Hà	TN	17/08/1983	030083025353	TDP số 29		Theo điểm b	Người mắc bệnh hiểm nghèo, cần chữa trị dài ngày	2.000.000	01/01/2026
49	Nguyễn Thị Hà	TCN	02/10/1968	030168004496	TDP số 29		Theo điểm b	Người mắc bệnh hiểm nghèo, cần chữa trị dài ngày	2.000.000	01/04/2026
50	Tiêu Thị Thanh Thảo	TCN	17/06/1968	030168006690	TDP số 29		Theo điểm b	Người mắc bệnh hiểm nghèo, cần chữa trị dài ngày	2.000.000	01/01/2026
51	Nguyễn Thị An An	TCN	15/09/2007	030307015593	TDP số 29		Theo điểm d	Người từ đủ 16 tuổi trở lên nhưng không quá 22 tuổi, đang đi học	2.000.000	01/01/2026
52	Bùi Thị Giang	TCN	30/08/1957	030157015913	TDP số 29		Theo điểm đ	Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên không có vợ, chồng, con	2.000.000	01/01/2026
53	Nguyễn Tiến Hòa	CN	16/08/1955	030055009708	TDP số 31	TDP số 17	Theo điểm đ	Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên không có vợ, chồng, con	2.000.000	01/01/2026

54	Phạm Thị Mười	TN	02/09/1953	030153002281	TDP 32		Theo điểm đ	Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên không có vợ, chồng, con	2.000.000	01/01/2026
55	Đào Thị Thảnh	TN	12/01/1955	030155001931	TDP 32		Theo điểm đ	Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên không có vợ, chồng, con	2.000.000	01/01/2026
56	Nguyễn Đức Doanh	TN	24/05/2010	030210006992	TDP số 34	TDP số 18	Theo điểm d	Người từ đủ 16 tuổi trở lên nhưng không quá 22 tuổi, đang đi học	2.000.000	01/06/2026